TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ M** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/DS-ST
Ngày: 06/5/2019
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M - TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Hùynh Trường**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Kiệt**;

2.Bà **Phan Thị Đẹp**;

- Thư ký phiên toà: Bà **Trần Phạm Vân Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố M - tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 301/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2019, giữa:

***** *Nguyên đơn*: **Trương Phy H**, sinh năm 1982.
Địa chỉ: 101/4B đường Đ, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Kim L, sinh năm 1972(có mặt)
Địa chỉ: số 28 ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.
Theo văn bản ủy quyền ngày 01/12/2018

***** *Bị đơn*: 1. Bà **Huỳnh Thị P**, sinh năm 1957 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: số 101/4 đường Đ, phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.
Địa chỉ hiện nay: 112/43 đường T, Phường 8, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.
2. Ông **Dương Ngọc S**, sinh năm 1956(xin vắng mặt)
3. Ông **Dương Hòang V**, sinh năm 1978. (vắng mặt không lý do)
Cùng địa chỉ: 112/43 đường T, Phường 8, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn ông Trương Phy H và đại diện ủy quyền trình bày:* do chỗ quen biết, ngày 28/6/2018 ông H cho bà Huỳnh Thị P là Chủ Doanh nghiệp tư nhân thương mại - xây dựng P vay số tiền 265.000.000đồng, không tính lãi, thời hạn trả là ngày 20/7/2018 để cho bà P cùng chồng và con là ông S, ông V làm ăn có làm biên nhận. Đến hạn trả tiền, ông H nhiều lần yêu cầu bà P, ông S và ông V trả tiền nhưng các bị đơn cố tình né tránh nên phát sinh tranh chấp.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu bà P, ông S và ông V trả số tiền vốn là 265.000.000 đồng và lãi suất theo qui định 1%/tháng, tính từ ngày 20/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính là 9 tháng x 265.000.000đồng x 1%/tháng = 26.500.000đồng. Tổng cộng vốn lãi là 291.500.000đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Huỳnh Thị P có nộp bản tự khai và đơn xin vắng, bà trình bày: trước đây anh Dương Hoàng V là con bà có vay của ông H số tiền 20.000.000đồng, lãi suất là 30%/tháng. Anh V có đóng lãi đầy đủ hàng tháng cho đến tháng 6/2018, do cần tiền để đầu tư cho công trình ở Đà Lạt nên bà có vay của ông H số tiền 120.000.000đồng. Giấy mượn tiền ngày 28/6/2018 bà , ông S, ông V có ký tên, nhưng số tiền thực tế chỉ có 120.000.000đồng. Nay bà đồng ý trả cho ông H số tiền 120.000.000đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin trả mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi hoàn tất số tiền 120.000.000đồng.

* Bị đơn ông Dương Ngọc S có nộp bản tự khai và đơn xin vắng, ông trình bày: ông thống nhất lời trình bày của bà P. Giấy mượn tiền ngày 28/6/2018 ông có ký tên. Nay ông đồng ý trả cho ông H số tiền 120.000.000đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông xin trả mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi hoàn tất số tiền 120.000.000đồng.

* Bị đơn ông Dương Hoàng V vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông H khởi kiện yêu cầu bà P, ông S và ông V trả cho ông số tiền 275.600.000 đồng và tiền lãi đến nay là 26.500.000đồng do bà P, ông S và ông V vay của ông nhưng không trả. Do đó Tòa án xác định đây là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[2] Bà P, ông S đã có đơn xin vắng mặt, riêng ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P, ông S và ông V.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, Tòa xét thấy: Theo chứng cứ mà ông H cung cấp thì thể hiện vào ngày 28/6/2018, ông H có cho bà P, ông S và ông V vay số tiền 265.000.000đồng, thời hạn trả là ngày 20/7/2018.Tuy nhiên đến hạn trả bà P, ông S và ông V cố tình né tránh và cho đến nay chưa trả được số tiền vốn cho ông H. Xét thấy bà P, ông S và ông V vay tiền của ông H nhưng khi đến thời hạn các bị đơn không trả là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự, nên ông H khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả lại tiền vốn lãi như trên là có căn cứ pháp luật nên Tòa chấp nhận. Đối với bà P, ông S trình bày không phải vay số tiền như đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày, nhưng đại diện ủy quyền của nguyên đơn không thừa nhận, bà P, ông S không có chứng cứ gì chứng minh nên Tòa không chấp nhận.

[4] Ông V vắng mặt và không đưa ra chứng cứ chứng minh nên Tòa án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: bà P, ông S và ông V phải chịu theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ các Điều 357,463,466,468 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội;

1. ***Xử***:Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Phy H.

Buộc bà Huỳnh Thị P, ông Dương Ngọc S và ông Dương Hoàng V liên đới trả ông Trương Phy H số tiền vốn lãi đến nay là 291.500.000đồng.Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Trương Phy H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Huỳnh Thị P, ông Dương Ngọc S và ông Dương Hoàng V chậm thi hành số tiền trên trả tiền thì còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bà Huỳnh Thị P, ông Dương Ngọc S và ông Dương Hoàng V phải chịu 14.575.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại ông H số tiền 6.890.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013321 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố M.

3. Ông Trương Phy H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà P, ông S, ông V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND TP M;*
- *Chi cục THADS TP M;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huỳnh Trường